

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 5 - 2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Huy Lợi và ông Trần Đình Đường.

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Ngô Đức Ng, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: xóm M, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị đơn*: chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khối 5, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An; hiện đang ở Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2020 và bản tự khai đề ngày 09/11/2020, nguyên đơn anh Ngô Đức Ng trình bày:

Anh Ngô Đức Ng và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 16 tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Khối 5, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An. Năm 2015 chị Vân A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu hai vợ chồng còn liên lạc với nhau, sau đó vợ

chồng nảy sinh mâu thuẫn và không còn liên lạc với nhau, chỉ gọi về duy nhất một lần báo cho anh biết là chị Vân A đã lấy chồng bên Nhật Bản. Hiện nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Ng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vân A.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Đức D, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Ngô Nguyễn Tùng L, sinh ngày 22/02/2014. Hiện tại, các cháu đang ở với bố. Nếu ly hôn, anh Ng đề nghị Tòa án giao cháu D và cháu L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Ngô Đức Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A, do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên anh Ngô Đức Ng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị Vân A ở Nhật Bản. Theo anh Ng thì chị Vân A vẫn thường xuyên liên lạc về với bố đẻ là ông Nguyễn Hồng Vinh; địa chỉ cư trú: Khối 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An và ông Vinh biết địa chỉ cụ thể của chị Vân A ở Nhật Bản; đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Nguyễn Hồng Vinh (là bố đẻ của chị Vân A) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông Vinh thông báo cho chị Vân A và đề nghị chị Vân A nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Ng. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị Vân A trước khi đi nước ngoài. Tuy nhiên, chị Vân A không có ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đúng quy định của pháp luật;

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Đức Ng, cho anh Ngô Đức Ng và chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn. Về con chung, giao 02 con chung là cháu Ngô Đức D, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Ngô Nguyễn Tùng L, sinh ngày 22/02/2014 cho anh Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, anh Ng chưa yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này các bên có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình có đương sự hiện đang ở Nhật Bản. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Vân A hiện đang ở Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Nguyễn Hồng Vinh (là bố đẻ của chị Vân A) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông Vinh thông báo cho con gái và đề nghị chị Vân A nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Ng. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị Vân A trước khi đi nước ngoài và yêu cầu ông Vinh cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Vân A ở Nhật Bản nhưng ông Vinh không cung cấp được. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của chị Vân A trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Ng nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Vân A vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của chị Vân A trước khi đi nước ngoài. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt chị Vân A.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Đức Ng và chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; không thuộc trường hợp cấm kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 16 tháng 6 năm 2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì chị Vân A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay, anh Ng thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Vân A. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Ngô Đức Ng khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Ngô Đức Ng và chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Đức D, sinh ngày 19/12/2008 và cháu Ngô Nguyễn Tùng L, sinh ngày 22/02/2014; hiện nay, cháu D và cháu L đang ở với anh Ng và anh Ng đề nghị Tòa án giao cháu D và cháu L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn. Theo đơn trình bày của cháu Ngô Đức D và cháu Ngô Nguyễn Tùng L thì 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, chị Vân A hiện đang ở nước ngoài và chưa có ý kiến gì về việc nuôi con nên cần giao cháu D và cháu L cho anh Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Ng chưa yêu cầu và chị Vân A cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Ngô Đức Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn anh Ngô Đức Ng phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Đức Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Ngô Đức Ng được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân A.

- Về con chung: giao 02 con chung là cháu Ngô Đức D và cháu Ngô Nguyễn Tùng L cho anh Ngô Đức Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D và cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Ngô Đức Ng chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Vân A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Ngô Đức Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh Ngô Đức Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2020/0000148** ngày **21 tháng 10 năm 2020**.

3. Anh Ngô Đức Ng có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Đường

Trần Huy Lợi

Trần Thị Mỹ Hải